BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB ĐỢT 02
Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường nội bộ, hệ thống thoát nước khu Khuê Liễu, Khuê Chiền, phường Tân Hưng,
Địa chỉ: Tổ dân phố Khuê Liễu, phường Tân Hưng, thành phố Hải Phòng
(Kèm theo Quyết định số 2029 /QĐ-UBND ngày 09/10/2026 của UBND phường Tân Hưng)

Đvt: Đồng./.

Stt	Họ và Tên	Số tờ	Số thửa	Diện tích	DT thu hồi	Tài sản, vật kiến trúc	Thưởng tiến độ	Cây cối hoa màu	Tổng cộng
1	Đinh Đức Tuấn	141	30	179.1	0.5	-	-	-	0
2	Vương Văn Giá	141	39	80.7	0.2	31,000	2,000	-	33,000
3	Đinh Trung Tú	141	41	126.3	10.1	5,781,000	289,000	-	6,070,000
4	Đinh Đức Tuấn	141	42	120.0	0.9	6,401,000	320,000	-	6,721,000
5	Vương Mạnh Cường	146	47	166.7	2.6	23,756,000	1,188,000	-	24,944,000
6	Ngô Thị Thanh Thúy	146	55	110.0	2.3	1,168,000	58,000	-	1,226,000
7	Vương Thành Long	146	57	162.3	3.5	4,128,000	206,000	-	4,334,000
8	Vương Văn Trưởng (Thạo)	146	65	567.5	2.0	394,000	20,000	-	414,000
9	Vương Văn Hiển	146	70	249.1	2.1	-	-	-	0
10	Bùi Văn Tú	146	121	74.8	1.3	24,473,000	1,224,000	-	25,697,000
11	Vương Văn Y (Sửu)	146	132	139.3	2.0	3,531,000	177,000	-	3,708,000
12	Vương Văn Y (Sửu)	146	133	171.2	5.0	9,323,000	466,000	-	9,789,000
13	Đào Thị Sách	146	146	287.3	1.0	28,864,000	1,443,000	-	30,307,000
14	Bùi Mạnh Hùng (Thư)	146	166	89.1	6.8	3,276,000	164,000	-	3,440,000
15	Vương Quốc Học(Vân)	146	184	246.3	5.0	96,813,000	4,841,000	-	101,654,000
16	Ngô Thị Hương	146	340	83.4	1.7	-	-	-	0
17	Vương Huy Hoàng (Hương)	146	351	87.2	2.0	23,968,000	1,198,000	-	25,166,000
18	Vương Văn Phong	146	352	85.6	1.4	-	-	-	0
19	Vương Nga Phi (Thậm)	146	923	89.7	1.1	15,233,000	762,000	-	15,995,000
20	Vương Thị Khởi	147	135	51.1	1.0	176,000	9,000	-	185,000
21	Vương Mạnh Đương (Linh)	147	166	231.7	0.2	7,755,000	388,000	-	8,143,000
22	Vương Văn Nghìn (Đinh)	147	289	390.2	0.3	24,000	1,000	-	25,000
	Cộng				**53.0**	**255,095,000**	**12,756,000**	**-**	**267,851,000**

Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi mốt nghìn đồng chẵn.